Phụ lục VI
Appendix VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)
(Issued with the Decision No. 21/QĐ-SGDVN on 21/12/2021 of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG **BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION JSC** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness** ----------
Số: 30/2023/KS No.: 30/2023/KS	*Thuận An, ngày 1 tháng 12 năm 2023* *Thuan An, day 1 month 12 year 2023*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization:* **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG/ *BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION JSC***

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code:* **KSB**

- Địa chỉ/*Address:* 8 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Duong/ 8 Nguyen Thi Minh Khai, Thuan Giao ward, Thuan An city, Binh Duong provice.

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* 0274 3822602 Fax: 0274 3823922

- E-mail: info@bimico.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

Bổ sung thông tin Báo cáo tình hình quản trị Công ty 06 tháng đầu năm 2022 và năm 2022./ *Additional information Report on corporate governance of 6 months and Years 2022.*

Nội dung bổ sung như sau:

2.1. Báo cáo tình hình quản trị Công ty 06 tháng đầu năm 2022:

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (6 tháng đầu năm 2022) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Semi-*

Annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.* date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
1	Công ty TNHH Đầu tư KSB	Công ty con	3702838077 Cấp ngày 12/12/2019 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Dương	Thuận Giao, Thuận An, Bình Dương	6 tháng đầu năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	37.500.000.000 Điều chuyển vốn	
2	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Công ty con	3702613027 Cấp ngày 28/10/2017 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Dương	Đất Cuốc, Tân Uyên, Bình Dương	6 tháng đầu năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	209.294.760.000 Cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng	
3	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Công ty con	3702613027 Cấp ngày 28/10/2017 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Dương	Đất Cuốc, Tân Uyên, Bình Dương	6 tháng đầu năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	15.136.419.760 Điều chuyển vốn	
4	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Công ty con	3702613027 Cấp ngày 28/10/2017 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Dương	Đất Cuốc, Tân Uyên, Bình Dương	6 tháng đầu năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	5.115.610.338 Lợi nhuận được chia	
5	Công ty TNHH Cao lanh Minh Long	Công ty con	3801194708 Cấp ngày 30/01/2019 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Phước	Minh Long, Chơn Thành, Bình Phước	6 tháng đầu năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	112.137.985 Điều chuyển vốn	
6	Công ty TNHH Cao lanh Minh Long	Công ty con	3801194708 Cấp ngày 30/01/2019 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Phước	Minh Long, Chơn Thành, Bình Phước	6 tháng đầu năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	309.000.000 Bán hàng	

7	HTX Dịch vụ Vận tải Khai khoáng Thăng Long	Công ty con	3602997355 Cấp ngày 12/09/2011 tại UBND huyện Vĩnh Cửu	Thiện Tân, Vĩnh Cửu, Đồng Nai	6 tháng đầu năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	443.777.989 Điều chuyển vốn	
8	Công ty CP Phú Nam Sơn	Công ty liên kết	2801139536 Cấp ngày 20/03/2008 tại Sở KH-ĐT tỉnh Thanh Hoá	Tân Trường, Nghi Sơn, Thanh Hoá	6 tháng đầu năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	845.096.000 Lãi cho vay:	

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (6 tháng đầu năm 2022)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:

(Danh sách đính kèm)

2.2. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022:

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (năm 2022) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.* date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*
1	Công ty TNHH Đầu tư KSB	Công ty con	3702838077 Cấp ngày 12/12/2019 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Dương	Thuận Giao, Thuận An, Bình Dương	Năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	17.798.000.000 Điều chuyển vốn	
2	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Công ty con	3702613027 Cấp ngày 28/10/2017 tại	Đất Cuốc, Tân Uyên, Bình Dương	Năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	20.929.476.000 Cho thuê lại đất và cơ sở hạ tầng	

			Sở KH-ĐT tỉnh Bình Dương					
3	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Công ty con	3702613027 Cấp ngày 28/10/2017 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Dương	Đất Cuốc, Tân Uyên, Bình Dương	Năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	157.104.697.602 Điều chuyển vốn	
4	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB	Công ty con	3702613027 Cấp ngày 28/10/2017 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Dương	Đất Cuốc, Tân Uyên, Bình Dương	Năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	95.156.103.338 Lợi nhuận được chia	
5	Công ty TNHH Cao lanh Minh Long	Công ty con	3801194708 Cấp ngày 30/01/2019 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Phước	Minh Long, Chơn Thành, Bình Phước	Năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	447.432.290 Điều chuyển vốn	
6	Công ty TNHH Cao lanh Minh Long	Công ty con	3801194708 Cấp ngày 30/01/2019 tại Sở KH-ĐT tỉnh Bình Phước	Minh Long, Chơn Thành, Bình Phước	Năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	309.000.000 Bán hàng	
7	HTX Dịch vụ Vận tải Khai khoáng Thăng Long	Công ty con	3602997355 Cấp ngày 12/09/2011 tại UBND huyện Vĩnh Cửu	Thiện Tân, Vĩnh Cửu, Đồng Nai	Năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	13.153.821.589 Điều chuyển vốn	
8	Công ty CP Phú Nam Sơn	Công ty liên kết	2801139536 Cấp ngày 20/03/2008 tại Sở KH-ĐT tỉnh Thanh Hoá	Tân Trường, Nghi Sơn, Thanh Hoá	Năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	1.722.248.000 Lãi cho vay:	
9	Công ty CP Phú Nam Sơn	Công ty liên kết	2801139536 Cấp ngày 20/03/2008 tại Sở KH-ĐT tỉnh Thanh Hoá	Tân Trường, Nghi Sơn, Thanh Hoá	Năm 2022	Số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 01/10/2021	2.000.000.000 Cho vay	

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (năm 2022)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:

(Danh sách đính kèm)

3.Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 1../12./2023 tại đường dẫn www.bimico.com.vn /*This information was published on the company's website on 1../12/2023 (date), as in the link* www.bimico.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

M.S.D.N: 3700148825-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
TP. THUẬN AN-T.BÌNH DƯƠNG

Trần Đình Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
DN: c=VN, st=BÌNH DƯƠNG, l=Thành Phố Thuận An, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3700148825
Date: 2023.12.01 15:04:21 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

(Đính kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 06 tháng năm 2022)

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
1	**Phan Tấn Đạt**		**Chủ tịch HĐQT**			**3,525,440**	**4.62%**	
1.1	Phan Tấn Ước							Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Hòa							Mẹ đẻ
1.3	Lê Thị Việt Hà							Vợ
1.4	Phan Huy Cường							Em ruột

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
1.5	Phan Tấn Vinh							Em ruột
1.6	Phan Thị Linh Giang							Em ruột
1.7	Phan Lê Bảo Trân							Con ruột
1.8	Phan Đăng Khoa							Con ruột
1.9	Lê Ngọc Cừ							Bố vợ
1.10	Bùi Thị Hương							Mẹ vợ
1.11	Phan Thị Kiều Nương							Em dâu
1.12	Công ty CP DRH Holings					22,799,025	29.88%	Ông Phan Tấn Đạt là Chủ tịch HĐQT

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
1.13	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB							Ông Phan Tấn Đạt là Chủ tịch Công ty
1.14	Công ty TNHH đầu tư KSB							Ông Phan Tấn Đạt là Chủ tịch Công ty
2	**Nguyễn Quốc Phòng**		**Thành viên HĐQT/ P.TGĐ**			**180,040**	**0.24%**	**Miễn nhiệm ngày 09/6/2023**
2.1	Lê Thị Út							Mẹ đẻ
2.2	Trần Ngọc Diệp							Vợ
2.3	Nguyễn Quốc Khang							Con ruột
2.4	Nguyễn Trần Tuệ Nhi							Con ruột
2.5	Nguyễn Quốc Tuyên							Em ruột

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
2.6	Nguyễn Thị Thanh Giang							Em ruột
2.7	Nguyễn Thị Thanh Thủy							Em ruột
2.8	Trần Văn Rua							Bố vợ
2.9	Huỳnh Thị Nguyệt							Mẹ vợ
2.10	Trần Thị Mỹ Xuân							Em dâu
2.11	Vũ Tiến Dũng							Em rể
2.12	Nguyễn Thiện Chiến							Em rể
3	**Trần Đình Hà**		**Thành viên HĐQT/TGĐ**			**728,970**	**0.96%**	

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
3.1	Lê Thị Rần							Mẹ ruột
3.2	Trần Đình Hải					16		Anh ruột
3.3	Trần Thị Sơn					64		Chị ruột
3.4	Trần Đình Hưng							Anh ruột
3.5	Trần Hải Anh							Con ruột
3.6	Trần Võ Hải Mi							Con ruột
3.7	Vũ Thị Thược							Chị dâu

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
3.8	Lê Chí Thức					60		Anh rể
3.9	Vũ Thị Tố Tâm							Chị dâu
3.1	HTX Dịch vụ Vận tải Khai khoáng Thăng Long							Ông Trần Đình Hà là Chủ tịch HĐQT
4	**Hoàng Nguyên Bình**		**Thành viên độc lập HĐQT/ CT UBKT**			**290,000**	**0.38%**	
4.1	Nguyễn Thị Hạnh							Mẹ đẻ
4.2	Hoàng Ngọc Long							Em ruột
4.3	Vũ Tố Uyên							Vợ

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
4.4	Hoàng Thu Trang							Con ruột
4.5	Hoàng Thu Hương							Con ruột
4.6	Vũ Văn Bình							Bố vợ
4.7	Trần Tuyết Nga							Mẹ vợ
4.8	Vũ Phương Lan							Em dâu
5	**Tôn Thất Diên Khoa**		**Thành viên HĐQTĐL/TV UBKT**			**371,400**	**0.49%**	
5.1	Tôn Thất Ngoạn							Bố đẻ
5.2	Phạm Thị Diên							Mẹ đẻ

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
5.3	Phùng Ngọc Bích Vân							Vợ
5.4	Tôn Nữ Ngọc Nga							Con ruột
5.5	Tôn Nữ Quỳnh Trân							Con ruột
5.6	Tôn Nữ Khoa Bảo							Em ruột
5.7	Tôn Thất Bảo Hùng							Em ruột
5.8	Phạm Lư Ngọc Dung							Em dâu
5.9	Nguyễn Minh Tuấn							Em rể

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
5.10	Lương Thị Bích Ngọc							Mẹ vợ
5.11	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bảo Long							Ông Tôn Thất Diên Khoa là TV Ban kiểm soát
5.12	Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu							Ông Tôn Thất Diên Khoa là TV. HĐQT
6	**Lê Hoài Nam**		**TV HĐQT**			**265,888**	**0.35%**	**Bổ nhiệm ngày 27/05/2023**
6.1	Lê Ngọc Cừ							Bố đẻ
6.2	Bùi Thị Hương							Mẹ đẻ
6.3	Lê Thị Thanh Nga							Em ruột
6.4	Lê Thị Việt Hà							Em ruột

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
6.5	Nguyễn Bích Trâm							Vợ
6.6	Lê Phú Trọng							Con ruột
6.7	Lê Nguyễn Minh Triết							Con ruột
6.8	Nguyễn Văn Tịnh							Bố vợ
6.9	Nguyễn Thị Kim Bửu							Mẹ vợ
6.10	Phan Tấn Đạt		Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương			3,525,440	4.62%	Em rể
6.11	Nguyễn Minh Tuấn							Em rể

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
6.12	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB							Ông Lê Hoài Nam là Tổng giám đốc
7	**Trần Hoàng Anh**		**TV HĐQT**					**Bổ nhiệm ngày 27/05/2023**
7.1	Trần Quang Thái							Bố đẻ
7.2	Huỳnh Thị Minh							Mẹ đẻ
7.3	Trần Hoàng Vũ							Anh ruột
7.4	Nguyễn Thị Bảo Ngọc							Chị dâu
7.5	Trần Hoàng Phúc							Em ruột
7.6	Nguyễn Thiện Lan Vi							Vợ

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
7.7	Trần Thị Kim Loan							Mẹ vợ
7.8	Trần Hoàng Khang							Con ruột
7.9	Trần Hoàng Vi Anh							Con ruột
7.10	Công ty CP DRH Holings					22,799,025	29.88%	Ông Trần Hoàng Anh là TV.HĐĐT/ P.TGĐ
8	**Nguyễn Hoành Sơn**		**Phó TGĐ**			**160,880**	**0.21%**	
8.1	Đồng Thị Thành							Mẹ đẻ
8.2	Phan Thu Vân							Vợ
8.3	Nguyễn Kỳ Anh							Con ruột
8.4	Nguyễn Thị Thư							Mẹ vợ

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
8.5	Phan Việt Hải							Anh rể
8.6	Nguyễn Thuý Quỳnh							Chị ruột
8.7	Nguyễn Phương Thuý							Em ruột
8.8	Công ty CP Phú Nam Sơn							Ông Nguyễn Hoành Sơn là Tổng giám đốc
9	**Đặng Quang Thung**		**Phó TGĐ**			**70,050**	**0.09%**	
9.1	Bùi Thị Hà							Vợ
9.2	Đặng Hà Ngọc Dung							Con ruột
9.3	Đặng Hà Anh Thư							Con ruột
9.4	Đặng Hà Bảo Ngân							Con ruột

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
9.5	Đặng Thị Quế							Chị ruột
9.6	Đặng Quang Hòe							Anh ruột
9.7	Đặng Quang Thụ							Em ruột
9.8	Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB							Ông Đặng Quang Thung là Chủ tịch Công ty
10	**Nguyễn Hoàng Tâm**		**Kế toán trưởng**			**292,809**	**0.38%**	
10.1	Nguyễn Văn Kiểu							Bố đẻ
10.2	Trần Thị Ánh Tuyết							Mẹ đẻ
10.3	Nguyễn Hoàng Ánh							Anh ruột

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
10.4	Nguyễn Văn Minh							Anh ruột
10.5	Nguyễn Thị Ánh Phương							Em ruột
10.6	Nguyễn Thị Ngọc Liễu							Em ruột
10.7	Nguyễn Thị Minh Châu							Em ruột
10.8	Nguyễn Thị Như Quỳnh							Vợ
10.9	Nguyễn Minh Trí							Con ruột
10.10	Nguyễn Hoàng Như Ngọc							Con ruột
10.11	Nguyễn Đình Ngân							Bố vợ

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
10.12	Trần Thị Kim Sang							Mẹ vợ
10.13	Vòng Lý Vân							Chị dâu
10.14	Nguyễn Văn Bé Tám							Em rể
10.15	Lê Thị Quế Chi							Chị dâu
11	**Nguyễn Văn Đông**		**Người phụ trách quản trị Công ty**			**190,050**	**0.25%**	
11.1	Nguyễn Văn Thảo							Bố đẻ
11.2	Lê Thị Chước							Mẹ đẻ

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
11.3	Phan Thị Thùy							Vợ
11.4	Nguyễn Phan Gia Hân							Con ruột
11.5	Nguyễn Phan Quỳnh Anh							Con ruột
11.6	Nguyễn Thị Thanh Thu							Chị ruột
11.7	Hồ Thái Bình							Anh rể
11.8	Phan Bá Tuyết							Bố vợ
11.9	Nguyễn Thị Lục							Mẹ vợ
12	**Công ty CP DRH Holdings**		**Cổ đông lớn**					

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
13	Công ty TNHH Đầu tư KSB		Công ty con					
14	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB		Công ty con					
15	Công ty TNHH Cao lanh Minh Long		Công ty con					
16	HTX Dịch vụ Vận tải Khai khoáng Thăng Long		Công ty con					
17	Công ty CP Phú Nam Sơn		Công ty liên kết					

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

(Đính kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022)

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
1	**Phan Tấn Đạt**		**Chủ tịch HĐQT**			**3,525,440**	**4.62%**	
1.1	Phan Tấn Ước							Bố đẻ
1.2	Nguyễn Thị Hòa							Mẹ đẻ
1.3	Lê Thị Việt Hà							Vợ
1.4	Phan Huy Cường							Em ruột

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
1.5	Phan Tấn Vinh							Em ruột
1.6	Phan Thị Linh Giang							Em ruột
1.7	Phan Lê Bảo Trân							Con ruột
1.8	Phan Đăng Khoa							Con ruột
1.9	Lê Ngọc Cừ							Bố vợ
1.10	Bùi Thị Hương							Mẹ vợ
1.11	Phan Thị Kiều Nương							Em dâu
1.12	Công ty CP DRH Holings					22,799,025	29.88%	Ông Phan Tấn Đạt là Chủ tịch HĐQT

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
1.13	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB							Ông Phan Tấn Đạt là Chủ tịch Công ty
1.14	Công ty TNHH đầu tư KSB							Ông Phan Tấn Đạt là Chủ tịch Công ty
2	**Nguyễn Quốc Phòng**		**Thành viên HĐQT/ P.TGĐ**			**180,040**	**0.24%**	**Miễn nhiệm ngày 09/6/2023**
2.1	Lê Thị Út							Mẹ đẻ
2.2	Trần Ngọc Diệp							Vợ
2.3	Nguyễn Quốc Khang							Con ruột
2.4	Nguyễn Trần Tuệ Nhi							Con ruột
2.5	Nguyễn Quốc Tuyên							Em ruột

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
2.6	Nguyễn Thị Thanh Giang							Em ruột
2.7	Nguyễn Thị Thanh Thủy							Em ruột
2.8	Trần Văn Rua							Bố vợ
2.9	Huỳnh Thị Nguyệt							Mẹ vợ
2.10	Trần Thị Mỹ Xuân							Em dâu
2.11	Vũ Tiến Dũng							Em rể
2.12	Nguyễn Thiện Chiến							Em rể
3	**Trần Đình Hà**		**Thành viên HĐQT/TGĐ**			**728,970**	**0.96%**	

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
3.1	Lê Thị Rần							Mẹ ruột
3.2	Trần Đình Hải					16		Anh ruột
3.3	Trần Thị Sơn					64		Chị ruột
3.4	Trần Đình Hưng							Anh ruột
3.5	Trần Hải Anh							Con ruột
3.6	Trần Võ Hải Mi							Con ruột
3.7	Vũ Thị Thược							Chị dâu

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
3.8	Lê Chí Thức					60		Anh rể
3.9	Vũ Thị Tố Tâm							Chị dâu
3.1	HTX Dịch vụ Vận tải Khai khoáng Thăng Long							Ông Trần Đình Hà là Chủ tịch HĐQT
4	**Hoàng Nguyên Bình**		**Thành viên độc lập HĐQT/ CT UBKT**			**290,000**	**0.38%**	
4.1	Nguyễn Thị Hạnh							Mẹ đẻ
4.2	Hoàng Ngọc Long							Em ruột
4.3	Vũ Tố Uyên							Vợ

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
4.4	Hoàng Thu Trang							Con ruột
4.5	Hoàng Thu Hương							Con ruột
4.6	Vũ Văn Bình							Bố vợ
4.7	Trần Tuyết Nga							Mẹ vợ
4.8	Vũ Phương Lan							Em dâu
5	**Tôn Thất Diên Khoa**		**Thành viên HĐQTĐL/TV UBKT**			**371,400**	**0.49%**	
5.1	Tôn Thất Ngoạn							Bố đẻ
5.2	Phạm Thị Diên							Mẹ đẻ

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
5.3	Phùng Ngọc Bích Vân							Vợ
5.4	Tôn Nữ Ngọc Nga							Con ruột
5.5	Tôn Nữ Quỳnh Trân							Con ruột
5.6	Tôn Nữ Khoa Bảo							Em ruột
5.7	Tôn Thất Bảo Hùng							Em ruột
5.8	Phạm Lư Ngọc Dung							Em dâu
5.9	Nguyễn Minh Tuấn							Em rể

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
5.10	Lương Thị Bích Ngọc							Mẹ vợ
5.11	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bảo Long							Ông Tôn Thất Diên Khoa là TV Ban kiểm soát
5.12	Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu							Ông Tôn Thất Diên Khoa là TV. HĐQT
6	**Lê Hoài Nam**		**TV HĐQT**			**265,888**	**0.35%**	**Bổ nhiệm ngày 27/05/2023**
6.1	Lê Ngọc Cừ							Bố đẻ
6.2	Bùi Thị Hương							Mẹ đẻ
6.3	Lê Thị Thanh Nga							Em ruột
6.4	Lê Thị Việt Hà							Em ruột

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
6.5	Nguyễn Bích Trâm							Vợ
6.6	Lê Phú Trọng							Con ruột
6.7	Lê Nguyễn Minh Triết							Con ruột
6.8	Nguyễn Văn Tịnh							Bố vợ
6.9	Nguyễn Thị Kim Bửu							Mẹ vợ
6.10	Phan Tấn Đạt		Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương			3,525,440	4.62%	Em rể
6.11	Nguyễn Minh Tuấn							Em rể

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
6.12	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB							Ông Lê Hoài Nam là Tổng giám đốc
7	**Trần Hoàng Anh**		**TV HĐQT**					**Bổ nhiệm ngày 27/05/2023**
7.1	Trần Quang Thái							Bố đẻ
7.2	Huỳnh Thị Minh							Mẹ đẻ
7.3	Trần Hoàng Vũ							Anh ruột
7.4	Nguyễn Thị Bảo Ngọc							Chị dâu
7.5	Trần Hoàng Phúc							Em ruột
7.6	Nguyễn Thiện Lan Vi							Vợ

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
7.7	Trần Thị Kim Loan							Mẹ vợ
7.8	Trần Hoàng Khang							Con ruột
7.9	Trần Hoàng Vi Anh							Con ruột
7.10	Công ty CP DRH Holings					22,799,025	29.88%	Ông Trần Hoàng Anh là TV.HĐĐT/ P.TGĐ
8	**Nguyễn Hoành Sơn**		**Phó TGĐ**			**160,880**	**0.21%**	
8.1	Đồng Thị Thành							Mẹ đẻ
8.2	Phan Thu Vân							Vợ
8.3	Nguyễn Kỳ Anh							Con ruột
8.4	Nguyễn Thị Thư							Mẹ vợ

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
8.5	Phan Việt Hải							Anh rể
8.6	Nguyễn Thuý Quỳnh							Chị ruột
8.7	Nguyễn Phương Thuý							Em ruột
8.8	Công ty CP Phú Nam Sơn							Ông Nguyễn Hoành Sơn là Tổng giám đốc
9	**Đặng Quang Thung**		**Phó TGĐ**			**70,050**	**0.09%**	
9.1	Bùi Thị Hà							Vợ
9.2	Đặng Hà Ngọc Dung							Con ruột
9.3	Đặng Hà Anh Thư							Con ruột
9.4	Đặng Hà Bảo Ngân							Con ruột

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
9.5	Đặng Thị Quế							Chị ruột
9.6	Đặng Quang Hòe							Anh ruột
9.7	Đặng Quang Thụ							Em ruột
9.8	Công ty TNHH Cao lanh Minh Long KSB							Ông Đặng Quang Thung là Chủ tịch Công ty
10	**Nguyễn Hoàng Tâm**		**Kế toán trưởng**			**292,809**	**0.38%**	
10.1	Nguyễn Văn Kiểu							Bố đẻ
10.2	Trần Thị Ánh Tuyết							Mẹ đẻ
10.3	Nguyễn Hoàng Ánh							Anh ruột

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
10.4	Nguyễn Văn Minh							Anh ruột
10.5	Nguyễn Thị Ánh Phương							Em ruột
10.6	Nguyễn Thị Ngọc Liễu							Em ruột
10.7	Nguyễn Thị Minh Châu							Em ruột
10.8	Nguyễn Thị Như Quỳnh							Vợ
10.9	Nguyễn Minh Trí							Con ruột
10.10	Nguyễn Hoàng Như Ngọc							Con ruột
10.11	Nguyễn Đình Ngân							Bố vợ

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
10.12	Trần Thị Kim Sang							Mẹ vợ
10.13	Vòng Lý Vân							Chị dâu
10.14	Nguyễn Văn Bé Tám							Em rể
10.15	Lê Thị Quế Chi							Chị dâu
11	**Nguyễn Văn Đông**		**Người phụ trách quản trị Công ty**			**190,050**	**0.25%**	
11.1	Nguyễn Văn Thảo							Bố đẻ
11.2	Lê Thị Chước							Mẹ đẻ

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
11.3	Phan Thị Thùy							Vợ
11.4	Nguyễn Phan Gia Hân							Con ruột
11.5	Nguyễn Phan Quỳnh Anh							Con ruột
11.6	Nguyễn Thị Thanh Thu							Chị ruột
11.7	Hồ Thái Bình							Anh rể
11.8	Phan Bá Tuyết							Bố vợ
11.9	Nguyễn Thị Lục							Mẹ vợ
12	**Công ty CP DRH Holdings**		**Cổ đông lớn**					

Stt/ No	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/Note
13	Công ty TNHH Đầu tư KSB		Công ty con					
14	Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB		Công ty con					
15	Công ty TNHH Cao lanh Minh Long		Công ty con					
16	HTX Dịch vụ Vận tải Khai khoáng Thăng Long		Công ty con					
17	Công ty CP Phú Nam Sơn		Công ty liên kết					